

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HSST
Ngày: 16-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liềm;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N - sinh năm 2001; Nơi sinh: G – Kiên Giang.

Nơi cư trú: khu phố P1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 07/12; Họ tên Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; Họ tên Mẹ: Lê Ngọc B, sinh năm 1980; Bị cáo có 02 người anh em ruột, em sinh năm 2003, bị cáo là người con lớn nhất trong gia đình; Tiền sự: Ngày 16/11/2020 bị Công an huyện G ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000 đồng; Tiền án: Có nhân thân xấu, ngày 24/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” đã được xóa án tích; Họ tên vợ: Nguyễn Thùy A, sinh năm 2002 (sống như vợ chồng).

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 08/12/2020. Đến ngày 15/12/2020 chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 01 ngày 15/12/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phạm Thị Mộng N – sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

Trú tại: khu phố P1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thùy A – sinh năm 2002 (có mặt);

Trú tại: khu phố P1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 07/12/2020, bị cáo Nguyễn Văn N cùng với vợ là Nguyễn Thùy A đang chơi game tại tiệm internet Gia Khiêm. Do hết tiền nên bị cáo nói với vợ là về nhà xin tiền ông nội của bị cáo để lấy tiền chơi game. Trên đường về nhà, khi đi đến nhà chị Phạm Thị Mộng N thuộc khu phố P1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, bị cáo quan sát thấy nhà của chị N đóng cửa nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó, bị cáo đi vào sân và đi vòng ra hông nhà chị N mở cánh cửa sổ loại cửa lùa, đẩy ra sau và thò tay vào trong lấy 01 cái cặp màu xám để trên giường. Bị cáo kiểm tra phát hiện có tiền mặt rồi lấy hết số tiền trên và bỏ cặp lại vị trí cũ. Tiếp theo, bị cáo đi về nhà và điểm số tiền vừa trộm được là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), khoảng 15 phút sau, bị cáo đi lại nhà chị N với ý định trả tiền lại và chỉ lấy 500.000 đồng tiêu xài. Tuy nhiên, bị cáo suy nghĩ vợ bị cáo đang mang thai cần tiền chi xài nên bị cáo không trả lại tiền nữa. Lúc này, bị cáo sợ dấu vân tay của bị cáo còn để lại trên cặp nên lấy chiếc cặp ra và ném bỏ vào lùm cây sau nhà chị N. Sau đó, bị cáo chạy xe lại đậu trước cửa hàng xe Kim Diệp, trong lúc đậu xe bị cáo suy nghĩ còn dấu vân tay để lại trên kính cửa sổ, sợ bị Công an phát hiện nên bị cáo tiếp tục chạy xe lại nhà chị N lần 3, bị cáo mới xuống mé sông dùng tay lấy sìn rồi đi vào và thoa lên cửa kính nhằm xóa dấu vết vân tay của bị cáo trên cửa sổ. Tiếp theo, bị cáo chạy xe ra tiệm internet Gia Khiêm chở vợ qua nhà máy nước thị trấn G và đưa cho Thùy Anh giữ toàn bộ số tiền trên. Quá trình đưa tiền cho vợ giữ, bị cáo không có nói nguồn gốc tiền từ đâu mà có. Cả hai quay lại tiệm Gia Khiêm chơi game tiếp, đến 21 giờ đi ăn tối và về nhà ngủ. Đến ngày 08/12/2020, Công an huyện mời bị cáo lên làm việc và bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKSND-GQ, ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 đến 09 tháng tù.

* **Vật chứng:** Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại chị Phạm Thị Mộng N các vật chứng gồm: 01 (một) chiếc cặp quây màu xám bề ngang 20cm, cao 10cm có 01 ngăn kéo, bên trong có 02 ngăn; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM ngân hàng Aghibank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Thị Mộng N cùng 01 túi vải và giấy đựng vàng; 01 (một) cục sạc pin điện thoại hiệu Samsung và 01 cục sạc pin điện thoại hiệu Iphone. Tiền Việt Nam: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại chị Phạm Thị Mộng N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Viện Kiểm sát không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Bị hại Phạm Thị Mộng N được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận: Do cần tiền để chơi game nên vào khoảng hơn 19 giờ ngày 07/12/2020, tại nhà chị Phạm Thị Mộng N thuộc khu phố P1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của chị N với số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 2.500.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo cũng như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn phù hợp với nội dung Cáo trạng số 05/CT-VKSND-GQ, ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo Nhân đã lợi dụng lúc nhà chị Phạm Thị Mộng N đang đóng cửa, không có người trong coi nên bị cáo đã lén lút đi vào sân và đi vòng ra hông nhà chị N mở cánh cửa sổ loại cửa lùa và thò tay vào trong lấy 01 cái cặp màu xám để trên giường, bên trong túi xách có tiền mặt 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo lấy hết số tiền trên và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 2.500.000 đồng. Với hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo với tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại tới quyền sở hữu hợp pháp của người khác, đồng thời còn làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm nhưng với bản chất tham lam, lười lao động, bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên bị cáo phải bị truy tố và xét xử về hành vi phạm tội của mình.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã vận động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền sự và đã bị xử phạt 18 tháng tù về tội cố ý gây thương tích (đã xóa án tích), lẽ ra, bị cáo phải biết tự cải tạo, giáo dục bản thân thành người công dân tốt nhưng trái lại bị cáo tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy ý thức hết sức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người công dân tốt đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm, Viện kiểm sát không đề nghị nên không xem xét.

[8] Về vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trao trả cho bị hại chị Phạm Thị Mộng N: 01 (một) chiếc cặp quây màu xám bề ngang 20cm, cao 10cm có 01 ngăn kéo, bên trong có 02 ngăn; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM ngân hàng Aghibank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Thị Mộng N cùng 01 túi vải và giấy đựng vàng; 01 (một) cục sạc pin điện thoại hiệu Samsung và 01 cục sạc pin điện thoại hiệu Iphone. Tiền Việt Nam: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trao trả cho bị hại chị Phạm Thị Mộng N: 01 (một) chiếc cặp quây màu xám bề ngang 20cm, cao 10cm có 01 ngăn kéo, bên trong có 02 ngăn; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM ngân hàng Aghibank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Thị Mộng N cùng 01 túi vải và giấy đựng vàng; 01 (một) cục sạc pin điện thoại hiệu Samsung và 01 cục sạc pin điện thoại hiệu Iphone. Tiền Việt Nam: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

* **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

*** Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 16/3/2021. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/3/2021).

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Cơ quan CSĐT CA huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Nghè